



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin Công ty

Giấy Chứng nhận 4103005552 ngày 15 tháng 11 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số 4103005552 ngày 14 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và điều chỉnh do
Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh 23/UBCK-GPHDKD ngày 1 tháng 12 năm 2006
Chứng khoán số 869/QĐ-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2006
376/QĐ-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2007
491/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2007
86/UBCK-GPDCCTCK ngày 2 tháng 11 năm 2007
730/QĐ-UBCK ngày 10 tháng 11 năm 2007
653/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 11 năm 2007
190/QĐ-UBCK ngày 17 tháng 3 năm 200
515/QĐ-UBCK ngày 6 tháng 8 năm 2008
153/UBCK-GP ngày 5 tháng 9 năm 2008
185/UBCK-GP ngày 23 tháng 1 năm 2009
183/QĐ-UBCK ngày 20 tháng 3 năm 2009
199/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 3 năm 2009
234/UBCK-GP ngày 28 tháng 4 năm 2009
293/UBCK-GP ngày 12 tháng 1 năm 2010

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán đầu tiên và điều chỉnh do
Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Hội đồng Quản trị
Ông Ting Kwang – Chin Albert Chủ tịch
Bà Trần Thị Quỳnh Mai Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Mai Thành viên
Ông Chang Hsiao – Wei Harvey Thành viên
Ông Hsien – Chih Chiu Thành viên (từ ngày 8 tháng 4 năm 2010)

Tổng Giám đốc Ông Cheng Chang Chong

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Lầu 5, Tòa nhà Lawrence S.Ting
801 Nguyễn Văn Linh Street
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Tú Xương

8 Tú Xương
Phường 7, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Đồng Khởi

2 Đồng Khởi
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

3B Đặng Thái Thân
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

Lầu 2, 18 Trần Hưng Đạo
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính giữa niên độ”). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến soát xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; và do đó, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các thuyết minh liên quan khác cho các giai đoạn này không được chúng tôi soát xét hay kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hoặc bất kỳ sự đảm bảo nào cho các báo cáo này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 10-01-188/R



Nguyễn Thành Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh,

10 AUG 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		445.285.422.224	423.138.224.678
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	150.985.063.640	253.724.180.373
Tiền	111		44.728.769.405	62.214.805.373
Các khoản tương đương tiền	112		106.256.294.235	191.509.375.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.583.279.192	5.493.399.531
Đầu tư ngắn hạn	121		3.704.443.387	6.025.747.798
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(121.164.195)	(532.348.267)
III. Các khoản phải thu – ngắn hạn	130		287.370.994.141	160.369.769.115
Phải thu từ khách hàng	131		85.967.500	9.242.500
Trả trước cho người bán	132		1.724.528.517	2.004.021.667
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	279.809.045.627	155.655.559.344
Các khoản phải thu khác	138	7	5.751.452.497	2.700.945.604
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.346.085.251	3.550.875.659
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.902.670.085	3.105.313.958
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		46.635.410	36.813.000
Tài sản ngắn hạn khác	158		396.779.756	408.748.701
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.973.474.878	50.050.766.094
II. Tài sản cố định	220		33.284.011.915	25.454.930.139
Tài sản cố định hữu hình	221	8	24.761.633.677	19.761.786.240
<i>Nguyên giá</i>	222		34.456.422.226	26.773.193.680
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(9.694.788.549)	(7.011.407.440)
Tài sản cố định vô hình	227	9	8.468.886.888	5.693.143.899
<i>Nguyên giá</i>	228		10.373.982.020	6.915.303.475
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(1.905.095.132)	(1.222.159.576)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	53.491.350	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	38.043.653.826	11.096.240.000
Chứng khoán đầu tư dài hạn	253		45.543.653.826	18.895.775.079
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(7.500.000.000)	(7.799.535.079)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.645.809.137	13.499.595.955
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	454.744.968	743.132.426
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	8.266.480.372	8.266.480.372
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	13	772.010.002	772.010.002
Tài sản dài hạn khác	268	14	4.152.573.795	3.717.973.155
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		530.258.897.102	473.188.990.772
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		254.831.575.146	363.282.115.160
I. Nợ ngắn hạn	310		253.755.973.129	362.967.777.045
Vay ngắn hạn	311	15	31.900.000.000	-
Phải trả người bán	312		131.726.447	79.481.649
Người mua trả tiền trước	313		281.565.939	181.277.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	858.169.086	144.783.417
Chi phí phải trả	316	17	5.781.264.109	2.863.851.602
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	213.298.939.489	189.867.031.954
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		27.167.855	3.415.580.056
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	19	1.477.140.204	166.415.770.867
II. Nợ dài hạn	330		1.075.602.017	314.338.115
Phải trả dài hạn khác	333		123.108.000	123.108.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		952.494.017	191.230.115
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.427.321.956	109.906.875.612
I. Vốn chủ sở hữu	410		275.427.321.956	109.906.875.612
Vốn cổ phần	411	20	300.000.000.000	135.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	651.892.806	651.892.806
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	419	21	651.892.806	651.892.806
Lỗ lũy kế	420		(25.876.463.656)	(26.396.910.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		530.258.897.102	473.188.990.772

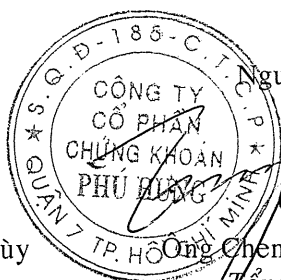
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
6. Chứng khoán lưu ký	006	499.608.220.000	368.057.570.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	476.340.460.000	358.834.690.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	762.260.000	-
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của các khách hàng trong nước	009	445.040.830.000	331.731.620.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của các khách hàng nước ngoài	010	30.537.370.000	27.103.070.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	3.476.960.000	5.518.160.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của các khách hàng trong nước	014	3.476.960.000	5.518.160.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	44.500.000	3.704.720.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của các khách hàng trong nước	019	44.500.000	3.704.720.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	19.746.300.000	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của các khách hàng trong nước	029	19.636.200.000	-
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của các khách hàng nước ngoài	030	110.100.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	19.300.180.000	-
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	16.752.260.000	-
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	16.752.260.000	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	2.458.220.000	-
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của các khách hàng trong nước	058	2.458.220.000	-
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071	89.700.000	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của các khách hàng trong nước	073	89.700.000	-

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ông Cheng Chang Chong
Tổng Giám đốc

10 AUG 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Doanh thu	01		28.091.761.001	15.918.767.110	49.733.695.235	17.896.136.458
<i>Trong đó:</i>						
Doanh thu môi giới chứng khoán	01.1		11.605.683.048	8.194.649.027	20.659.405.393	9.323.183.384
Doanh thu đầu tư chứng khoán	01.2		878.538.431	5.354.152.202	1.793.799.385	5.216.212.942
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.260.000.000	10.000.000	2.285.000.000	10.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		11.002.000	-	23.582.000	1.600.000
Doanh thu khác	01.9	22	13.336.537.522	2.359.965.881	24.971.908.457	3.345.140.132
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		28.091.761.001	15.918.767.110	49.733.695.235	17.896.136.458
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	23	(19.378.369.534)	(6.268.219.662)	(34.778.407.101)	(11.902.815.726)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		8.713.391.467	9.650.547.448	14.955.288.134	5.993.320.732
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(7.036.721.770)	(4.346.565.675)	(14.764.987.603)	(9.137.909.832)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.676.669.697	5.303.981.773	190.300.531	(3.144.589.100)
Thu nhập khác	31		236.672.035	265.181.296	471.399.814	537.694.018
Chi phí khác	32		(136.252.458)	(24.354.743)	(141.254.001)	(24.354.743)
Lợi nhuận khác	40		100.419.577	240.826.553	330.145.813	513.339.275
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		1.777.089.274	5.544.808.326	520.446.344	(2.631.249.825)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	-	-	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	60		1.777.089.274	5.544.808.326	520.446.344	(2.631.249.825)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

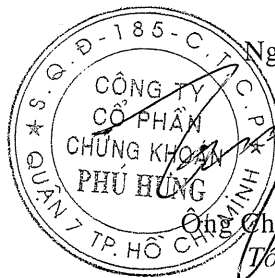
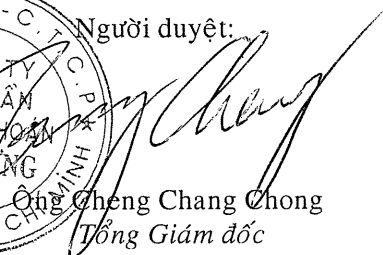
	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VND	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VND (Chưa soát xét)	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND (Chưa soát xét)
Lãi trên cổ phiếu	70	26				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu			44	450	18	(236)

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Cheng Chang Chong
Tổng Giám đốc

10 AUG 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

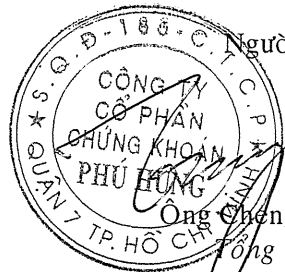
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lỗ lũy kế VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	135.000.000.000	651.892.806	651.892.806	(26.396.910.000)	109.906.875.612
Phát hành vốn cổ phần	165.000.000.000	-	-	-	165.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	520.446.344	520.446.344
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	300.000.000.000	651.892.806	651.892.806	(25.876.463.656)	275.427.321.956
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	100.000.000.000	1.754.000	1.754.000	(38.099.411.277)	61.904.096.723
Phát hành vốn cổ phần	35.000.000.000	-	-	-	35.000.000.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(2.631.249.825)	(2.631.249.825)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 (Chưa soát xét)	135.000.000.000	1.754.000	1.754.000	(40.730.661.102)	94.272.846.898

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Cheng Chang Chong
Tổng Giám đốc

10 AUG 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	520.446.344	(2.631.249.825)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	3.459.895.818	2.090.017.867
Các khoản dự phòng	03	(710.719.151)	(4.426.805.971)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	3.451.909.879	(2.166.845.336)
Thu nhập tiền lãi	05	(24.971.908.457)	(3.345.140.132)
Chi phí lãi vay	06	803.198.909	-
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(17.447.176.658)	(10.480.023.397)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(123.270.451.297)	(12.262.327.198)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	24.649.459.986	83.772.653.170
Biến động các khoản trả trước và ký quỹ	12	56.430.691	249.867.141
		(116.011.737.278)	61.280.169.716
Tiền lãi vay đã trả	13	(803.198.909)	-
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20	(116.814.936.187)	61.280.169.716
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(11.425.229.461)	(3.164.367.838)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư	24	101.851.425.000	62.543.494.000
Tiền chi cho các khoản đầu tư	25	(129.803.281.688)	(47.335.827.600)
Tiền lãi đã nhận	27	21.243.281.263	3.345.140.132
Tiền cổ tức đã nhận	27	309,624,340	-
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư	50	(17.824.180.546)	15.388.438.694

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	35.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	358.249.900.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(326.349.900.000)	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	50	31.900.000.000	35.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60	(102.739.116.733)	111.668.608.410
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	61	253.724.180.373	40.406.536.721
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	150.985.063.640	152.075.145.131

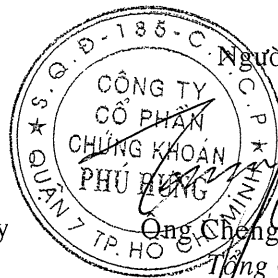
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Kết chuyển từ các khoản phải trả khác sang vốn cổ phần	165.000.000.000	-

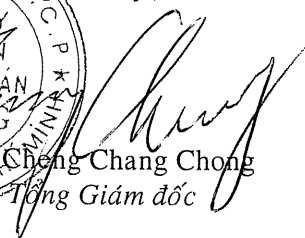
Người lập:



Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Ông Cheng Chang Chong
Tổng Giám đốc

10 AUG 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 Công ty có 373 nhân viên (31/12/2009: 281 nhân viên).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 9 tháng 6 năm 2010.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trình bày bằng Đồng Việt Nam, được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp. Ngoại trừ phần được nêu ở Thuyết minh 2(t), các chính sách kế toán được Công ty áp dụng đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này giống như các chính sách kế toán được áp dụng đối với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán số 10 (“CMKT 10”)– *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng CMKT 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(e) Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Chứng khoán đầu tư dài hạn là những chứng khoán vốn được nắm giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn tại ngày mà công ty thỏa thuận các điều khoản của hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(iii) Đánh giá

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày cuối kỳ.

Chứng khoán đầu tư dài hạn chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư dài hạn không được tự do mua bán trên thị trường được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của ban giám đốc. Ban giám đốc xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện của thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và dòng tiền dự kiến.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn như đề cập ở trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các dòng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------|-----------|
| ▪ Chi phí nâng cấp văn phòng | 5 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 5 - 7 năm |
| ▪ đồ đạc văn phòng | 3 - 5 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm chủ yếu là phần mềm vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hay chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(k) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(o) Quỹ dự trữ pháp định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được phân phối từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là nhằm bổ sung vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và nhằm bù đắp các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được trích lập theo quy định của pháp luật và không được phép phân phối.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành các dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên công việc thực hiện.

(iv) Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh chủ yếu phản ánh thu nhập lãi từ tiền gửi tại ngân hàng và tiền lãi từ tiền tạm ứng cho khách hàng. Doanh thu về vốn kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(q) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(r) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước tháng 6 năm 2010, Công ty không được yêu cầu phải trình bày lãi trên cổ phiếu vì chưa phải là công ty niêm yết. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 9 tháng 6 năm 2010 và do đó Công ty phải trình bày lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

(u) Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động như một bộ phận.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, được trình bày ở các thuyết minh liên quan của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(x) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	62.757.789	732.913
Tiền gửi ngân hàng	44.666.011.616	62.214.072.460
Các khoản tương đương tiền	106.256.294.235	191.509.375.000
	<hr/>	<hr/>
	150.985.063.640	253.724.180.373
	<hr/>	<hr/>

Công ty không có tiền và các khoản tương đương tiền khác VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31/12/2009: không).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
a) Cửa Công ty chứng khoán		
Cổ phiếu	4.614.404	198.627.021.862
Chứng khoán khác	80.000	1.100.685.000
b) Cửa nhà đầu tư		
Cổ phiếu	223.147.065	7.766.761.034.138
Chứng khoán khác	730.880	6.393.045.000
	228.796.749	7.972.881.786.000

5. Các khoản đầu tư

Chi tiết các khoản đầu tư được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường VNĐ
			Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	
Chứng khoán thương mại	114.169	3.704.443.387	179.364.006	(121.164.195)	3.762.643.198
Chứng khoán đầu tư dài hạn					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3.364.490	45.543.653.826	-	(7.500.000.000)	38.043.653.826
	3.478.659	49.248.097.213	179.364.006	(7.621.164.195)	41.806.297.024

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	532.348.267	5.470.527.301
Tăng dự phòng trong kỳ	2.805.100.368	1.043.721.330
Hoàn nhập trong kỳ	(3.216.284.440)	(5.470.527.301)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	121.164.195	1.043.721.330

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	7.799.535.079	7.500.000.000
Hoàn nhập trong kỳ	(299.535.079)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.500.000.000	7.500.000.000

6. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải thu từ các Sở Giao dịch Chứng khoán	-	25.239.875.000
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	279.271.023.927	129.906.106.401
Phải thu khác	538.021.700	509.577.943
	<hr/>	<hr/>
	279.809.045.627	155.655.559.344

- (i) Các khoản tạm ứng cho khách hàng không được đảm bảo, hưởng lãi suất ngày từ 0,03% đến 0,05% và có thời hạn từ 1 ngày đến 60 ngày.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu khác

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lãi phải thu	4.425.550.055	696.922.861
Phải thu từ nhân viên	85.470.508	655.433.508
Phải thu khác	1.240.431.934	1.348.589.235
	<hr/>	<hr/>
	5.751.452.497	2.700.945.604
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

8. Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị văn phòng VND	Đồ đạc văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	9.380.407.669	16.827.162.642	565.623.369	26.773.193.680
Tăng trong kỳ	1.748.409.938	6.164.649.628	-	7.913.059.566
Xóa sổ	-	(229.831.020)	-	(229.831.020)
Phân loại lại	254.265.750	(254.265.750)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.383.083.357	22.507.715.500	565.623.369	34.456.422.226
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.914.034.101	4.818.638.729	278.734.610	7.011.407.440
Khấu hao trong kỳ	911.300.119	1.779.002.864	86.657.279	2.776.960.262
Xóa sổ	-	(93.579.153)	-	(93.579.153)
Phân loại lại	25.426.575	(25.426.575)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.850.760.795	6.478.635.865	365.391.889	9.694.788.549
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	7.466.373.568	12.008.523.913	286.888.759	19.761.786.240
Số dư cuối kỳ	8.532.322.562	16.029.079.635	200.231.480	24.761.633.677
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	6.915.303.475
Tăng trong kỳ	3.458.678.545
Số dư cuối kỳ	<u>10.373.982.020</u>
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.222.159.576
Phân bổ trong kỳ	682.935.556
Số dư cuối kỳ	<u>1.905.095.132</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	5.693.143.899
Số dư cuối kỳ	<u>8.468.886.888</u>

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	-	2.818.938.000
Tăng trong kỳ	53.491.350	-
Chuyển sang tài sản cố định	-	(2.818.938.000)
Số dư cuối kỳ	<u>53.491.350</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Số dư đầu kỳ	743.132.426
Phân bổ trong kỳ	(288.387.458)
Số dư cuối kỳ	<u>454.744.968</u>

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với những khoản mục sau:

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	8.266.480.372	8.266.480.372

13. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	772.010.002	772.010.002

Khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005, do Bộ Tài chính ban hành, yêu cầu Công ty phải ký quỹ khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,008% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	772.010.002	462.847.807
Tiền nộp bổ sung	-	295.813.599
Tiền lãi trong kỳ	-	13.348.596
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	772.010.002	772.010.002

14. Tài sản dài hạn khác

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và căn hộ	4.152.573.795	3.717.973.155
	<hr/>	<hr/>

15. Vay ngắn hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn từ		
▪ Ngân hàng Indovina	31.900.000.000	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản vay này không được đảm bảo, phải hoàn trả trong vòng 28 ngày kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất năm là 12% trong kỳ.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế thu nhập cá nhân	858.169.086	144.783.417
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	660.282.288	1.331.010.825
Chi phí tư vấn	207.000.000	156.000.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	384.318.004	364.745.418
Chi phí thuê	190.788.048	190.788.048
Tiền hoa hồng	244.011.242	181.314.900
Phải trả người bán	1.296.930.942	-
Chi phí khác	2.797.933.585	639.992.411
	<hr/>	<hr/>
	5.781.264.109	2.863.851.602
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả cho các hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Phải trả cho các Sở Giao dịch Chứng khoán	14.627.775.584	-
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	57.764.104.952	117.601.463.421
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	140.907.058.953	72.265.568.533
	<hr/>	<hr/>
	213.298.939.489	189.867.031.954
	<hr/>	<hr/>

Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng phản ánh khoản tiền gửi của khách hàng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán.

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền tạm ứng nhận từ các cổ đông mua cổ phần (*)	-	165.000.000.000
Tiền tạm ứng từ khách hàng cho việc mua hộ chứng khoán	1.274.474.037	1.319.200.000
Phải trả khác	202.666.167	96.570.867
	<hr/>	<hr/>
	1.477.140.204	166.415.770.867
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.000.000	300.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND (Chưa soát xét)
Số dư đầu kỳ	135.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	165.000.000.000	35.000.000.000
Số dư cuối kỳ	300.000.000.000	135.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

21. Quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây hàng năm từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ dự trữ pháp định nêu trên vào cuối năm tài chính.

22. Doanh thu khác

	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Thu nhập tiền lãi từ:		(Chưa soát xét)		(Chưa soát xét)
▪ Tiền gửi tại ngân hàng	3.226.513.197	1.860.656.945	8.092.016.875	2.798.764.211
▪ Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	10.092.468.252	499.308.936	16.856.099.365	546.375.921
▪ Doanh thu khác	17.556.073	-	23.792.217	-
	13.336.537.522	2.359.965.881	24.971.908.457	3.345.140.132

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

23. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Chi phí môi giới chứng khoán	1.354.321.453	872.289.254	2.331.733.372	999.065.824
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	(1.187.272.353)	(2.951.014.690)	(411.184.072)	(4.426.804.971)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(429.968.603)	-	(299.535.079)	-
Chi phí giao dịch chứng khoán	3.649.214.719	1.151.599.462	5.109.457.397	3.025.012.863
Chi phí lưu ký chứng khoán	37.694.565	26.532.527	67.131.418	43.216.730
Chi phí nhân sự trực tiếp	5.230.856.082	2.287.745.992	10.339.672.386	4.134.761.462
Chi phí hoa hồng	1.084.869.440	556.239.218	1.626.465.685	585.556.000
Chi phí công cụ và dụng cụ	277.985.630	54.819.630	507.338.955	104.191.365
Khấu hao tài sản cố định	1.261.664.957	886.213.763	2.286.912.612	1.522.536.353
Chi phí thuê văn phòng	3.595.025.733	1.793.232.614	5.925.454.339	3.262.936.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.186.809.738	1.289.001.423	4.373.067.723	2.378.950.422
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-	(157.321.569)
Chi phí lãi cho tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	1.395.263.123	276.900.975	1.801.030.442	360.547.860
Chi phí lãi vay	700.865.576	-	803.198.909	-
Chi phí khác	221.039.474	24.659.494	317.663.014	70.167.227
	19.378.369.534	6.268.219.662	34.778.407.101	11.902.815.726

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Chi phí nhân viên	3.457.359.169	2.131.882.827	7.311.616.149	4.780.983.665
Chi phí thuê văn phòng	1.009.000.804	857.735.470	2.605.137.373	1.425.236.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.483.448.297	886.535.495	2.844.758.076	2.120.355.685
Khấu hao tài sản cố định	587.212.039	295.168.077	1.172.983.206	567.481.514
Thuế và lệ phí	10.521.308	37.806.805	16.153.578	61.056.278
Chi phí khác	489.180.153	137.437.001	814.339.221	182.796.320
	7.036.721.770	4.346.565.675	14.764.987.603	9.137.909.832

25. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	1.777.089.274	5.544.808.326	520.446.344	(2.631.249.825)
Thuế theo thuế suất của Công ty	444.272.318	1.386.202.081	130.111.586	(657.812.456)
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.733.277	28.421.496	21.466.554	56.842.993
Lỗ tính thuế được sử dụng	(455.005.595)	(1.414.623.577)	(151.578.140)	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	-	-	-	600.969.463
	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(b) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của Công ty là 25%.

(c) Lỗ tính thuế mang sang

Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực vào những năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang VNĐ
2013	Chưa quyết toán	8.114.902.232

26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông lần lượt là 1.777.089.274 VNĐ và 520.446.344 VNĐ (30/06/2009: lần lượt có khoản lỗ là 2.631.249.825 VNĐ và lợi nhuận là 5.544.808.326 VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lần lượt là 30.000.000 cổ phiếu và 28.997.238 cổ phiếu (30/06/2009: lần lượt là 11.166.667 cổ phiếu và 12.333.333 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	1.777.089.274	5.544.808.326	520.446.344	(2.631.249.825)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn ba tháng từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	13.500.000	10.000.000	13.500.000	10.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	16.500.000	2.333.333	15.497.238	1.166.667
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	30.000.000	12.333.333	28.997.238	11.166.667

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch	
		Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
CX Technology (Cayman) Corporation	Cổ đông chính		
Phí môi giới		27.563.122	22.052.253
Chi phí lãi		50.634.411	1.908.901
Bà Nguyễn Hồng Mai	Thành viên hội đồng quản trị		
Phí môi giới		12.553.033	2.751.036
Chi phí thuê		838.846.623	792.379.712
Chi phí lãi		113.346	76.670
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Tín	Bên liên quan		
Nhận tiền gửi		60.000.000.000	-
Phí tư vấn		2.200.000.000	-
Chi phí lãi		900.000.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

28. Biến động các khoản phải thu

Loại hình	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Số khó đòi VND	Số dự phòng đã lập
	Tổng số VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND		
1. Phải thu từ khách hàng	9.242.500	-	2.720.116.989	(2.643.391.989)	85.967.500	-	-	
2. Trả trước cho người bán	2.004.021.667	-	2.080.984.276	(2.360.477.426)	1.724.528.517	-	-	
3. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	155.655.559.344	-	3.965.411.584.463	(3.841.258.098.180)	279.809.045.627	-	-	
4. Phải thu khác	2.700.945.604	-	32.713.928.892	(29.663.421.999)	5.751.452.497	-	-	
	160.369.769.115	-	4.002.926.614.620	(3.875.925.389.594)	287.370.994.141	-	-	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

29. Cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	11.313.261.617	12.460.232.736
Trong vòng hai đến năm năm	16.650.572.828	17.700.327.401
Trên năm năm	289.300.130	717.388.826
	<hr/>	<hr/>
	28.253.134.575	30.877.948.963

30. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Các hoạt động của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

30.1 Tiền thưởng của nhân viên

Công ty chưa ghi nhận các khoản tiền thưởng cuối năm vì khoản tiền thưởng này không thể ước tính một cách đáng tin cậy vào ngày 30 tháng 6 năm 2010.

30.2 Thuế

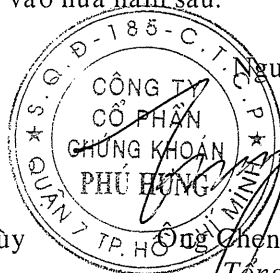
Theo luật thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào thời điểm cuối năm. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 25% đối với thu nhập trước thuế của kỳ kết thúc giữa niên độ.

30.3 Cổ tức

Tại ngày kết thúc giữa niên độ, Công ty chưa công bố việc phân chia cổ tức. Kế hoạch phân chia cổ tức, nếu có, sẽ được công bố vào nửa năm sau.

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ông Cheng Chang Chong
Tổng Giám đốc